

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy ấp trứng gia cầm tại Đắk Lắk”, tại Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (Cấp lần đầu ngày 21/5/2021) và Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Cấp lần đầu ngày 20/01/2021, điều chỉnh lần thứ 01 ngày 11/01/2022) của Dự án “Nhà máy ấp trứng gia cầm tại Đắk Lắk”;

Xét Công văn số 752/STNMT-MT ngày 22/03/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường “Về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án Nhà máy ấp trứng gia cầm tại Đắk Lắk tại Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk” và Văn bản số 39/CV đề ngày 15/5/2023 của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam “V/v phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy ấp trứng gia cầm tại Đắk Lắk”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 157/TTr-STNMT ngày 07/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy ấp trứng gia cầm tại Đắk Lắk” tại Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại

Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Krông Búk;
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam
(Đ/c: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên,
tỉnh Vĩnh Phúc);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY ẤP TRỨNG GIA CẦM TẠI ĐẮC LẮK”
TẠI CỤM CÔNG NGHIỆP KRÔNG BÚK 1, XÃ PONG DRANG,
HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮC LẮK**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Nhà máy ấp trứng gia cầm tại Đắk Lắk” tại Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN6, Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam.

- Địa chỉ liên lạc: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích thực hiện dự án là 22.372,4 m² (Dự án không thực hiện mở rộng về diện tích và không xây dựng thêm nhà xưởng; thực hiện nâng công suất bằng cách lắp đặt bổ sung thêm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất tại khu vực nhà xưởng hiện hữu).

- Loại hình sản xuất: Sản xuất giống gia cầm theo phương pháp ấp trứng công nghiệp.

- Công suất: Dự án mở rộng, nâng quy mô, công suất từ 1.100.000 gà con một ngày tuổi/tháng lên 2.200.000 gà con một ngày tuổi/tháng.

- Hạng mục công trình mở rộng, nâng quy mô công suất: Lắp đặt thêm 03 máy ấp và 03 máy nở vào khu vực nhà xưởng sản xuất.

1.3. Công nghệ sản xuất

Quy trình sản xuất tại Dự án như sau:

Nhập trứng → Phân loại trứng → Xông Formalin và KMnO₄ → Lưu trứng → Làm ấm trứng → Ấp trứng → Soi trứng → Tiêm vaccine trứng → Máy nở → Phân loại và ra gà → Tiêm vaccine → Cắt mỏ → Phun vaccine → Đóng gói → Bán gà thành phẩm.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

ST T	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích
I	Hạng mục công trình chính		
1	Nhà xưởng	m ²	3.315
2	Nhà điều hành	m ²	41,5
II	Hạng mục công trình phụ trợ		
1	Nhà bảo vệ	m ²	20

2	Nhà sát trùng xe	m ²	36
3	Nhà xe	m ²	136,5
4	Nhà căn tin	m ²	87,8
5	Nhà ở công nhân	m ²	630
6	Nhà để máy phát điện + phòng điện	m ²	78
7	Kho cơ khí	m ²	30
8	Phòng máy nén khí	m ²	30
9	Phòng bơm	m ²	30
10	Giếng khoan	cái	2
11	Bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC	m ³	200
12	Tháp nước	m ³	10
13	Nhà khách	m ²	65
14	Hàng rào	m	600
III	Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường		
1	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải	m	600
2	Khu xịt rửa	m ²	48
3	Hệ thống xử lý nước thải 80 m ³ /ngày đêm	m ²	77,7
4	Nhà để sản phẩm thải của trứng	m ²	72
5	Kho chất thải	m ²	30
6	Hồ chứa nước thải sau xử lý 1	m ²	352
7	Hồ chứa nước thải sau xử lý 2	m ²	1.199
IV	Sân, đường nội bộ	m ²	2.913
V	Cây xanh	m ²	13.180,9
Tổng diện tích		m ²	22.372,4

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động vận chuyển, lắp đặt thêm máy móc thiết bị để nâng công suất hoạt động của Dự án;
- Hoạt động sản xuất;
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án;
- Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị; quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án;
- Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất; xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án; vệ sinh, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; sinh hoạt của công nhân: Phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất; hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

- Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 4,75 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, rửa xe, sát trùng định kỳ... với tổng lưu lượng khoảng 25,1 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là bùn đất, các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào Dự án; khí thải từ máy phát điện dự phòng, mùi hôi phát sinh từ hoạt động sản xuất (mùi hôi từ quá trình ấp nở gà, khí dư thừa từ quá trình xông trứng) và hoạt động thu gom, lưu chứa, xử lý nước thải, chất thải rắn. Thành phần chủ yếu của khí thải phát sinh tại Dự án gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, CH₄, NH₃, H₂S, Formaldehit...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ, công nhân viên của Dự án với khối lượng khoảng 59,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, bao bì ni lông, chai lọ thủy tinh, chai lọ nhựa...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sản xuất: Phát sinh với khối lượng khoảng 28.317 kg/tháng, gồm trứng thải loại (khoảng 15.244 kg/tháng); gà con không đạt tiêu chuẩn bị thải loại (khoảng 938 kg/tháng); vỏ trứng (11.880 kg/tháng); lông gà (85 kg/tháng); bao bì, nhãn mác thải, thùng carton hư hỏng (170 kg/tháng).

- Bùn thải: Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh với khối lượng ít; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Dự án phát sinh với khối lượng khoảng 15 kg/tháng.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 245 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu, nhớt thải; bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; bao bì đựng hóa chất thải có chứa thành phần nguy hại...

- Ngoài ra, khi có dịch bệnh phát sinh, Dự án sẽ phát sinh xác gà chết do dịch bệnh là chất thải nguy hại phải tiêu hủy, xử lý theo quy định.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ việc vận hành máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Tác động do nước mưa chảy tràn (Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích với lưu lượng lớn nhất khoảng 193,4 m³/ngày).

- Tác động đến cơ sở hạ tầng, hoạt động giao thông và kinh tế - xã hội khu vực triển khai thực hiện Dự án.

- Tác động do rủi ro, sự cố môi trường (sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố tồn đọng chất thải rắn), sự cố cháy nổ; tai nạn lao động.

- Tác động tài nguyên nước dưới đất (Việc khai thác nước dưới đất không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước, gây sụt lún công trình ...).

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Quy trình thu gom nước thải tại Dự án như sau:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh: Được thu gom theo đường ống PVC D90 mm dẫn về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn (02 bể, kích thước mỗi bể 3m x 2m x 1,5m) → Hồ thu gom (kích thước 1,2m x 1,2m x 1,2m, có bố trí 01 thiết bị tách rác thô) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn: Được thu gom theo đường ống PVC D90 mm dẫn về xử lý sơ bộ qua bể tách dầu, mỡ (01 bể, kích thước 3m x 2m x 1,5m) → Hồ thu gom (kích thước 1,2m x 1,2m x 1,2m, có bố trí 01 thiết bị tách rác thô) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sản xuất: Nước rửa khay, vỉ trứng được thu gom theo đường ống PVC D90 mm dẫn về hồ thu gom (kích thước 1,2m x 1,2m x 2m, có bố trí 01 thiết bị tách rác thô) và nước xịt rửa bánh xe thu gom theo đường ống PVC D90 mm dẫn về hồ thu gom (kích thước 1,2m x 1,2m x 1,2m, có bố trí 01 thiết bị tách rác thô) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và không trùng với đường ống thoát nước khác; có tạo độ dốc để dễ thoát nước. Các hạng mục của công trình xử lý nước thải được thiết kế đảm bảo kiên cố, chống

thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 80m³/ngày đêm):

+ Nước thải (từ các hồ thu gom) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể màng MBR → 02 hồ chứa nước thải sau xử lý (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A → Tái sử dụng cho mục đích làm ẩm đường nội bộ, rửa bánh xe, rửa khay vi trùng bên ngoài nhà xưởng, không xả thải ra môi trường.

+ Kích thước các bể xử lý: Bể điều hòa (thể tích 42 m³, kích thước 5,25m x 2,0m x 4,0m); Bể thiếu khí (thể tích 36 m³, kích thước 3,0m x 3,0m x 4,0m, có bố trí 02 máy thổi khí); Bể hiếu khí (thể tích 49,6 m³, kích thước 6,2m x 2,0m x 4,0m); Bể màng MBR (thể tích 21,6 m³, kích thước 3,0m x 1,8m x 4,0m); Hồ chứa nước thải sau xử lý số 1 (thể tích 734,4 m³, kích thước 30m x 9,0m x 2,72m); Hồ chứa nước thải sau xử lý số 02 (thể tích 5.250 m³, kích thước 52,5m x 20m x 5,0m).

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lắp nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án theo đúng quy định. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, chất thải, cụ thể như sau:

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Các phương tiện vận tải được phủ bạt kín để hạn chế rơi vãi, phát tán chất thải ra môi trường; chờ đúng tải trọng quy định.

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:

+ Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, đảm bảo khả năng thông gió tự nhiên, riêng đối với khu vực sản xuất được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp và lắp đặt các quạt thông gió để đảm bảo lưu thông không khí, hạn chế phát sinh mùi.

+ Trồng cây xanh tán thấp xung quanh dự án để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu; đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

+ Bê tông hóa sân và đường nội bộ dự án, bố trí công nhân quét dọn, tưới ẩm rửa đường thường xuyên để hạn chế bụi, khí thải từ khu vực bên ngoài phát tán vào khu vực sản xuất.

+ Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng riêng, thiết kế thoáng khí, cách biệt với khu văn phòng và xưởng sản xuất; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để máy hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh khí thải.

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom nước thải là ống nhựa PVC, thiết kế hệ thống có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

+ Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý (có nắp đậy kín, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định).

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi; định kỳ bảo dưỡng, duy tu hệ thống xử lý nước thải (sửa chữa, thay thế định kỳ các thiết bị xử lý trong các bể xử lý) nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình thu gom, xử lý phế phụ phẩm, lưu chứa chất thải của dự án.

+ Phế phẩm, phụ phẩm từ quá trình sản xuất (trứng thải, gà con chết không do dịch bệnh...) được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng, và vận chuyển về kho chứa chất thải, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định (*Hiện nay nhà máy đang hợp đồng với Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Labada để thu gom, xử lý theo hợp đồng số 172734-07/22-JCVHC-PO-S ngày 01/8/2022*).

+ Khu vực lưu chứa chất thải được thiết kế có tường bao kín, có mái che, nền bê tông; đặt cách khu vực nhà xưởng sản xuất khoảng 69m về phía Nam để tránh phát tán mùi hôi, ảnh hưởng đến khu sản xuất.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn thực phẩm (Rau củ, hoa quả, thực phẩm thừa ...): Lưu chứa trong các thùng có nắp đậy (dung tích 60 lít) đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà xưởng sản xuất, văn phòng. Cuối mỗi ngày, công nhân của Dự án sẽ vận chuyển lượng chất thải này về kho chất thải (khu lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường, diện tích 15 m²), sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu

gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định (*Hiện nay, nhà máy đang hợp đồng với Công ty TNHH vận tải Thành Đạt để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt cho Dự án theo hợp đồng số 01/HDDV/JF-TĐ ngày 15/7/2022, tần suất thu gom là 02 ngày/lần*).

+ Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa vào thùng chứa (dung tích 120 lít) đặt tại kho chất thải (khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải sản xuất:

+ Vỏ trứng gà: Được xay nhỏ thành bột bằng máy xay vỏ trứng sau đó đóng vào bao trong lượng 25 kg và được thu gom về kho chất thải, định kỳ được thu gom, vận chuyển và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt (*Hiện nay, nhà máy đang hợp đồng với Công ty TNHH vận tải Thành Đạt theo hợp đồng số 01/HDDV/JF-TĐ ngày 15/7/2022*).

+ Trứng thải loại bao gồm trứng sáng, trứng tắc, trứng vỡ, trứng bẩn, gà con chết, lông gà phát sinh trong quá trình ấp trứng được thu gom, vận chuyển về nhà chứa sản phẩm thải của trứng (diện tích 72 m²; bố trí gần trạm xử lý nước thải tập trung) và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định (*Hiện nay nhà máy đang hợp đồng với công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ LABADA để thu gom trứng loại thải, gà con chết thông thường, vận chuyển và xử lý, theo hợp đồng số 172734 - 07/22-JCVHC-PO-S tháng 8 năm 2022*).

+ Bao bì, thùng giấy thải... được thu gom, lưu chứa vào thùng chứa (dung tích 120 lít) đặt tại khu vực kho chất thải (khu lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường) sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Bùn thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển theo quy định với tần suất 6 tháng/lần.

- Công trình lưu chứa tạm thời chất thải rắn:

+ Kho chất thải có diện tích là 30 m² được chia làm 02 khu lưu chứa khép kín, riêng biệt: 01 khu lưu chứa chất thải rắn thông thường (diện tích 15m²) và 01 khu lưu chứa chất thải nguy hại (diện tích 15m²).

+ Nhà chứa sản phẩm thải của trứng có diện tích là 72 m², bố trí gần trạm xử lý nước thải tập trung.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Thực hiện thu gom, phân loại, quản lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với các loại CTNH (bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải... phát sinh từ quá trình vận hành của dự án): lưu chứa trong các thùng chứa (loại 60 lít, có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại theo quy định); lưu giữ trong kho chất thải (khu lưu chứa tạm thời CTNH, diện tích 15 m²), sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định (*Hiện nay, nhà máy đang hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh để thu gom, vận chuyển và xử lý lượng chất thải nguy hại phát sinh theo hợp đồng số 0407/2022/HĐXLCTNH ngày 16/11/2022*).

- Đối với xác gà chết do dịch bệnh: Áp dụng các biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y. Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 “Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn”; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT và QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Bố trí diện tích đất dự phòng 200 m² tại khu vực trồng cây xanh phía Tây Nam Dự án để xử lý, tiêu hủy gà chết do dịch bệnh bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh; đảm bảo các quy định pháp luật về thú y và bảo vệ môi trường.

- Công trình: Kho chất thải có diện tích là 30 m² được chia làm 02 khu lưu chứa khép kín, riêng biệt gồm khu lưu chứa chất thải rắn thông thường và khu lưu chứa chất thải nguy hại. Khu lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích là 15m², được thiết kế có tường bao, mái che kín, có dán biển cảnh báo theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ chất thải.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì và thực hiện đăng kiểm theo đúng quy định đối với các phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Xây dựng nhà xưởng đúng tiêu chuẩn thiết kế quy định.

- Các máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị theo quy định. Gia cố chân đế, móng hoặc lắp đặt đế chống ồn đối với các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn khi vận hành.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ...

- Bố trí hàng rào bao quanh Dự án, trồng cây xanh xung quanh dự án (diện tích khoảng 13.180,9 m²) để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu; đảm

bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải:

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình theo đúng quy mô thiết kế, cao độ xây dựng công trình.

- Thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, toàn bộ nước thải chưa xử lý được bơm về hồ sự cố và tiến hành tạm dừng hoạt động của Dự án để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, bơm nước từ hồ sự cố trở lại Bể điều hòa nước thải sản xuất của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý; đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi tái sử dụng vào các mục đích khác tại Dự án.

- Bố trí hồ chứa 01 là hồ sự cố (thể tích 630 m³, lót bạt HDPE chống thấm) để lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và có lắp đặt hệ thống ống, bơm để bơm toàn bộ nước quay vòng lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý sau khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ

- Ban hành và giám sát thực hiện các nội quy làm việc tại Dự án (Gồm có: nội quy ra, vào Dự án; nội quy về an toàn lao động và sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện, phòng chống cháy nổ).

- Thiết kế đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí của dự án.

- Đảm bảo hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống máy bơm chữa cháy được lắp đặt, vận hành đúng theo thiết kế kỹ thuật; trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC như bình chữa cháy, cát, thang chữa cháy ... để chủ động ứng phó khi có sự cố cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét cho các nhà xưởng sản xuất, văn phòng theo tiêu chuẩn về chống sét cho các công trình xây dựng.

- Các trang thiết bị có sử dụng điện được kiểm tra, bảo trì theo quy định; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn điện, không gây nguy hiểm cho người sử dụng.

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động và vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo theo quy định về an toàn, vệ sinh lao động, sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại Dự án.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

- Bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa trên mái các hạng mục công trình được thu gom theo đường ống PVC D120mm → hồ gas thu nước mưa (kích thước 1,0m x 1,0m x 1,0m) → mương dẫn (bằng bê tông, D300mm) → Thoát về diện tích cây xanh phía Nam của Dự án.

- Nước mưa chảy tràn trên sân và đường nội bộ → Thu gom theo hệ thống mương dẫn nội bộ (bằng bê tông, D300mm) bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ, sân bãi → Thoát về diện tích cây xanh phía Nam Dự án.

- Nước mưa chảy tràn tại các khu vực đất trống, khu vực cây xanh được chảy tự nhiên theo địa hình và tự thấm vào đất

b) Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động khai thác nước dưới đất:

- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác nước dưới đất phục vụ Dự án, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng khai thác theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát diễn biến lưu lượng, mực nước, chất lượng nguồn nước tại giếng khai thác.

- Báo cơ quan chức năng khi phát hiện có dấu hiệu bất thường xảy ra (Hiện tượng sụt mực nước ngầm; sụt lún các công trình xung quanh khu vực khai thác; thay đổi về chất lượng nước ngầm ...).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án

5.2.1. Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Tuy nhiên, khuyến khích thực hiện quan trắc để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (tại 02 hồ chứa nước thải sau xử lý của Dự án).
- Thông số giám sát: pH, BOD5, COD, TSS, Sunfua, Amoni, tổng Nitơ, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giếng khoan của Dự án.
- Thông số giám sát: pH, Độ cứng tổng số (theo CaCO_3), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH_4^+ tính theo N), Nitrat (NO_3^- tính theo N), Nitrit (NO_2^- tính theo N), Clorua (Cl^-), Asen (As), Coliform, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyên giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: kho lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.2.4. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được phép triển khai dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo đúng quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu chứa chất thải tại dự án, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai, vận hành dự án.

6.4. Xây dựng các công trình xử lý chất thải; mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ; thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6.5. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) trước khi tái sử dụng, đảm bảo chất lượng nước thải phù hợp với mục đích tái sử dụng theo quy định; không được phép xả nước thải ra môi trường. Trường hợp Cụm công nghiệp Krông Búk 1 xây dựng hoàn thiện và đi vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đấu nối nước thải sau xử lý của Dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để xử lý theo đúng quy định.

6.6. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật.

6.7. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Chỉ được khai thác, sử dụng nước dưới đất sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước dưới đất tại khu vực được phê duyệt, phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.8. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.9. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.11. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.